

Bản án số: 363/2024/DS-PT  
Ngày: 23-7-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Trang;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Chí Đức;  
Bà Nguyễn Thị Rên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2283/2024/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số I đường A, khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2023):*

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số B, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*2. Bị đơn:*

Bà Phan Thị T, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Văn M, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị T, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm;*

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào khoảng năm 2021, bà L có cho bà T vay tiền nhiều lần với số tiền 200.000.000 đồng, do cho vay nhiều lần nên bà không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu, khi vay hai bên không có làm giấy tờ gì. Mục đích bà T vay tiền là để buôn bán, tính đến ngày 29/8/2022 thì bà T nợ là 200.000.000 đồng nên bà L với bà T có làm hợp đồng vay tiền, có công chứng tại Văn Phòng C.

Vào ngày 30/8/2022 bà T tiếp tục vay thêm 200.000.000 đồng, mục đích để trả nợ, làm vốn mua bán, để cho chồng bà T ký tên làm giấy tờ đất lên thổ cư nên bà L có cho bà T mượn thêm 200.000.000 đồng. Lúc này bà T có làm giấy tay cho bà L. Toàn bộ chữ viết, chữ ký là do bà T viết, chứ bà L không có viết nên bà không đồng ý với lời trình bày của bà T, nếu bà T không đồng ý thì bà L đề nghị Toà án trung cầu giám định toàn bộ chữ viết, chữ ký của bà T tại biên nhận ngày 30/8/2022;

Sau khi bà T vay tiền của bà L thì bà T không có trả lãi cho bà L và cũng không trả vốn. Bà L trực tiếp giao dịch với bà T, bà L không trực tiếp giao tiền cho ông M.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông M phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà L số tiền là nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/7/2023 là 10 tháng với lãi suất 1.5% /tháng là 60.000.000 đồng.

Bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T nhưng sẽ trả khi bà T, ông M trả nợ cho bà xong.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị T trình bày:*

Ngày 25/7/2022, bà có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, bà L chỉ đưa cho bà 70.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng là để trả lãi trước cho bà L, thời hạn vay khi nào bà làm giấy tờ đất lên thổ cư xong và vay tiền Ngân hàng xong thì bà phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 25/7/2022, bà với bà L có đến Văn phòng C chứng thực hợp đồng vay tiền, có nội dung bà có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng nhưng thực tế bà chỉ có vay của bà L 70.000.000 đồng. Mọi giao dịch giấy tờ vay tiền là do anh Nguyễn Văn T1 là em của bà L chứ bà không biết bà L là ai, bà chỉ biết khi bà với bà L đến Văn phòng C ký tên vào hợp đồng vay tiền. Khi đó, bà có đưa cho anh T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm giấy tờ giúp bà. Hiện nay anh T1 còn giữ của bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 căn cước công dân. Khi bà vay tiền của bà L thì chồng bà không biết, chồng bà mới biết khi Tòa án có thông báo mời.

Đối với “Giấy mượn tiền lấy sổ trong ngân hàng” thì bà có ý kiến như sau: Ngày 25/7/2022, sau khi ký tên tại Văn phòng Công chứng thì bà với bà L có ghé nhà trọ Yên Thu ở xã Q, bà L yêu cầu ký tên vào giấy nợ, bà thắc mắc là mới ký ở Văn phòng Công chứng mà giờ gì nữa thì bà L nói ký sẽ cho bà vay thêm 20.000.000 đồng. Do bà không biết viết chữ nên có yêu cầu bà L đọc lại cho bà nghe. Bà L đọc cho bà nghe 02 lần, nội dung bà L đọc là bà có vay 20.000.000 đồng nên bà có ký tên vào biên nhận. Bà thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 30/8/2022 do bà L cung cấp nhưng bà không có vay 200.000.000 đồng của bà L, bà L cũng không có đưa cho bà 20.000.000 đồng. Lúc ký tên vào biên nhận ngày 30/8/2022 thì không ai đe dọa hay ép buộc bà, bà L hứa cho bà vay 20.000.000 đồng nhưng sau khi bà ký tên xong thì bà L không đưa, bà L hứa về Thành phố Hồ Chí Minh sẽ chuyển tiền cho bà nhưng sau đó bà L vẫn không chuyển tiền cho bà. Sự việc này bà không báo cho cơ quan có thẩm quyền biết. Do bà tin tưởng bà L nên bà ký tên vào biên nhận đó.

Đối với “Hợp đồng vay tiền” ngày 29/8/2022 bà thừa nhận là do bà ký nhưng thực tế bà không có nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà L, bà L cũng không đưa 200.000.000 đồng cho bà. Thực tế thì bà chỉ có vay của bà L 100.000.000 đồng.

Bà thừa nhận hiện nay chỉ có nợ bà L số tiền là 100.000.000 đồng, chứ không phải 400.000.000 đồng như bà L trình bày. Bà không đồng ý trả nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi 60.000.000 đồng như bà L yêu cầu.

Bà yêu cầu bà L phải trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà vay Ngân hàng thì bà mới có tiền trả cho bà L.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày:*

Ông đồng ý với lời trình bày của vợ ông là bà T. Theo ông biết thì vợ ông chỉ vay của bà L 70.000.000 đồng chứ không phải 400.000.000 đồng như bà L trình bày.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L. Buộc bà Phan Thị T và ông Lê Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng L số tiền 460.000.000 đồng (trong đó: 400.000.000 đồng tiền gốc và 60.000.000 đồng tiền lãi).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/4/2024, bị đơn bà Phan Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, bà T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Thu g nguyên nội dung đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng của lần vay theo hợp đồng có công chứng ngày 29/8/2022.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Phan Thị T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Phan Thị T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 60.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đồng ý trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng của lần vay theo hợp đồng có công chứng ngày 29/8/2022 tại Văn phòng C.

[2.1] Xét kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T thừa nhận chữ ký trong “Hợp đồng vay tiền ngày 29 tháng 8 năm 2022” được công chứng tại văn phòng C có nội dung bà T vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng và “giấy mượn tiền lấy sổ trong ngân hàng ngày 30/8/2022” có nội dung bà T có mượn của bà L số tiền 200.000.000 đồng là do bà T ký tên. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với lời trình bày của bà T về việc bà có ký tên trong hợp đồng vay tiền ngày 29/8/2022 nhưng thực tế bà chỉ vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng, bà không vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng như trong hợp đồng và

đối với giấy mượn tiền lấy sổ trong ngân hàng ngày 30/8/2022, bà T cho rằng bà không viết chữ được nên bà có yêu cầu bà L đọc nội dung cho bà nghe, lúc đó bà L đọc nội dung giấy mượn tiền là bà L cho bà vay số tiền 20.000.000 đồng nên bà ký tên xác nhận chứ bà không có vay 200.000.000 đồng như bà L trình bày. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà.

Bà T cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền ngày 25 tháng 7 năm 2022, có nội dung bà T vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bà T đã trả xong số tiền 100.000.000 đồng này cho bà L, nên bà L không có yêu cầu hay ý kiến gì đối với hợp đồng mà bà T cung cấp.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bị đơn bà T phải trả cho bà L số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi vay tiền bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi nên bà L yêu cầu bà T trả số tiền lãi từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/7/2023 là 10 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng, số tiền lãi là 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định theo Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà T và ông M liên đới trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông M thừa nhận là vợ chồng hợp pháp, thời gian diễn ra giao dịch vay tiền thì bà T và ông M vẫn sống chung nhà, cùng nhau làm kinh tế. Giữa ông M và bà T cũng không có thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung hay tách bạch việc làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau. Hơn nữa, ông M thừa nhận cũng biết việc bà T có vay tiền của bà L.

Do đó, căn cứ quy định tại các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc bà T và ông M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T và ông M có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà L số tiền vay gốc còn thiếu là 400.000.000 đồng và số tiền lãi 60.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị T và ông Lê Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Hồng L số tiền tổng cộng là 460.000.000đ (bốn trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó tiền gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị T và ông Lê Văn M phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 22.400.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000364 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

### 3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000084 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi CTHADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu T2**